

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ L
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2020/KDTM-ST

Ngày: 21-12-2020

Tranh chấp “Hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L - TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Nam

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đỗ Trọng Ngoan
2. Bà Nguyễn Thị Trúc Linh

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Trung Hiếu – Thư ký Tòa án

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L tham gia phiên tòa: Ông Lê Hoàng Nhựt – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 12 năm 2020 tại Tòa án nhân dân thành phố L xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 80/2018/TLST-KDTM ngày 16 tháng 8 năm 2018 về tranh chấp “Hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 374/2020/QĐXXST-KDTM ngày 10 tháng 11 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 387/2020/QĐST-KDTM ngày 30 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP N Việt Nam.

Địa chỉ: Số 198, đường T, phường L, Quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nghiêm Xuân T - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền ông Bùi Trần M, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP N Việt Nam chi nhánh An Giang (Theo giấy ủy quyền số: 42/UQ-AGI-HCNS ngày 16/10/2018).

Ông Mãng ủy quyền cho ông Nguyễn Tấn Triều, chức vụ: Trưởng phòng khách hàng Ngân hàng TMCP N Việt Nam chi nhánh An Giang.

Địa chỉ: Số 30-32, đường H, phường M, thành phố L, An Giang.

(Đại diện nguyên đơn có mặt)

2. Bị đơn: Công ty Cổ phần A

Địa chỉ: Số 103, đường Y, khóm B, phường M, thành phố L, An Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Lê Hoàng K, sinh năm 1979 – chức vụ: Giám đốc (Theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 1601406567 do Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh An Giang cấp đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 18/3/2016).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Công ty Cổ phần N.

Địa chỉ: Số 99, đường H, Khu Công nghiệp M, phường M, thành phố L, An Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Nguyễn Thanh S, sinh năm 1960 – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị (Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1600513044 do Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh An Giang cấp đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 09/6/2017).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 04/5/2018 cùng lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền nguyên đơn ông Nguyễn Tấn T trình bày:

Vào ngày 15/12/2012, Công ty Cổ phần A (gọi tắt là Công ty A) và Ngân hàng TMCP N Việt Nam chi nhánh An Giang ký hợp đồng tín dụng số: 135/2012/NHNT.AG và các Hợp đồng cho vay theo hạn mức phụ lục số 01/CV, Hợp đồng cho vay theo hạn mức sửa đổi, bổ sung số 01 ngày 28/12/2012; Hợp đồng cho vay theo hạn mức phụ lục số 03 ngày 21/05/2013; Hợp đồng cho vay theo hạn mức phụ lục số 04/CV ngày 21/5/2013, cụ thể:

Hợp đồng cho vay theo hạn mức phụ lục 01/CV: Số tiền tạm tính đến ngày 02/05/2018: 80.232.176.545đồng, trong đó nợ gốc là 46.301.096.628đồng, nợ lãi: 33.931.079.917đồng (Lãi trong hạn 23.096.575.500đồng, lãi quá hạn 10.834.504.417đồng);

Hợp đồng cho vay theo hạn mức phụ lục 03: Số tiền tạm tính đến ngày 02/05/2018 là 14.706.650.000đ, trong đó: Nợ gốc là 9.100.000.000đồng, nợ lãi là 5.606.650.000đồng (lãi trong hạn 3.922.875.000đồng, lãi quá hạn 1.683.775.000đồng);

Hợp đồng cho vay theo hạn mức phụ lục 04/CV: Số tiền tạm tính đến ngày 02/05/2018 là 71.812.627.708đ, trong đó: Nợ gốc là 39.900.000.000đồng; nợ lãi 31.912.627.708đồng (lãi trong hạn 21.704.184.027đồng, nợ lãi quá hạn 10.208.443.681đồng).

Để đảm bảo cho các khoản vay nêu trên, Công ty A được bên thứ ba là Công ty Cổ phần N (gọi tắt là Công ty N) thế chấp tài sản với tổng giá trị thế chấp được định giá lại ngày 05/3/2014 là: 24.375.000.000đ, cụ thể: Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba số 78/2012/VCB.AG ngày 17/5/2012 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP N Việt Nam Chi nhánh An Giang với Công ty N, với giá trị tài sản 20.644.000.000đồng (Giấy chứng quyền sử dụng đất số: S-160163 của Ông Nguyễn Tuấn A do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh An Giang cấp ngày 20/09/2001, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện C, tỉnh An Giang xác nhận thay đổi góp vốn bằng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất với Công ty N ngày 28/4/2012 (Kèm theo hợp đồng góp vốn bằng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 27/4/2012). Do Văn phòng Công chứng L chứng nhận số công chứng 533, quyền số 08/TP/CC- SCC/HĐGD ngày 17/05/2012 đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký đất và thông tin tài nguyên môi trường tỉnh An Giang theo chứng nhận số thứ tự 68, quyền số 5 ngày 17/5/2012). Ngày 05/3/2014 định giá lại tài sản với giá trị: 17.217.000.000đ (Bằng chữ: Mười bảy tỷ, hai trăm mười bảy triệu đồng); Ngân hàng TMCP N Việt Nam chi nhánh An Giang và Công ty CP N đã ký Phụ kiện hợp đồng thế chấp số 01/PKHĐTC ngày 29/4/2014 (đính kèm Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba số 78/2012/VCB.AG ngày 17/5/2012) điều chỉnh giá trị tài sản thế chấp nêu trên và được Văn phòng Công chứng L chứng nhận số công chứng 26, quyền số 06/TP/CC- SCC/HĐGD ngày 29/4/2014.

Hợp đồng thế chấp tài sản số 77/2012/VCB.AG ngày 17/5/2012 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP N Việt Nam Chi nhánh An Giang với Công ty N, giá trị tài sản thế chấp 8.690.000.000đ, gồm: Dây chuyền máy thức ăn; Dây chuyền máy chế biến thức ăn viên cho cá; Trạm biến áp 1000KVA; Lắp đặt nồi hơi; Máy phát điện Perking 315KV; Trạm điện nhà máy Việt Thái; Băng tải ngang quốc lộ 1A, đăng ký thế chấp tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại thành phố Hồ Chí Minh theo số đơn đăng ký 1133709048 ngày đăng ký 31/05/2012. Ngày 05/3/2014 định giá lại với giá trị: 7.158.000.000đ (Bằng chữ: Bảy tỷ, một trăm năm mươi tám triệu đồng); Ngân hàng TMCP N Việt Nam chi nhánh An Giang và Công ty N đã ký Phụ kiện hợp đồng thế chấp số 01/PKHĐTC ngày 29/4/2014 (đính kèm Hợp đồng thế chấp tài sản số 77/2012/VCB.AG ngày 17/5/2012) điều

chính giá trị tài sản thế chấp nêu trên và được Văn phòng Công chứng L chứng nhận số công chứng 25, quyền số 06/TP/CC- SCC/HĐGD ngày 29/4/2014.

Trong quá trình vay, Công ty A trả vốn lãi đến ngày 04/10/2013 thì ngưng không trả nợ gốc và lãi, Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, nhắc nhở việc thanh toán nợ, bàn giao tài sản thế chấp nhưng Công ty không thực hiện. Do Công ty A vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Công ty A phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng toàn bộ số tiền tạm tính (do nợ lãi vẫn tiếp tục phát sinh) đến hết ngày 02/05/2018 là: 166.751.454.253 đồng (Bằng chữ: Một trăm sáu mươi sáu tỷ, bảy trăm năm mươi một triệu, bốn trăm năm mươi bốn ngàn, hai trăm năm mươi ba đồng), trong đó: Nợ gốc: 95.301.096.628 đồng; nợ lãi: 71.450.357.625 đồng; Nợ lãi trong hạn: 48.723.634.527 đồng; Nợ lãi quá hạn: 22.726.723.097 đồng; Buộc Công ty Âu Việt phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số: 135/2012/NHNT.AG với Ngân hàng và các hợp đồng cho vay theo hạn mức phụ lục 01/CV, Hợp đồng cho vay theo hạn mức sửa đổi bổ sung số 01 ngày 28/12/2012; Hợp đồng cho vay theo hạn mức phụ lục 03 ngày 21/05/2013; Hợp đồng cho vay theo hạn mức phụ lục 04/CV ngày 21/05/2013, kể từ ngày tiếp theo của ngày Tòa án ra bản án/quyết định cho đến ngày thực tế Công ty A trả hết nợ gốc cho Ngân hàng. Đồng thời duy trì các Hợp đồng thế chấp để đảm bảo cho việc thi hành án:

Bị đơn Công ty A vắng mặt trong thời gian chuẩn bị xét xử và lần thứ hai tại phiên tòa, không gửi văn bản trình bày ý kiến cũng như cung cấp chứng cứ chứng minh, không phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại biên bản không tiến hành hòa giải được ngày 25/12/2018, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Công ty N – Đại diện ông Nguyễn Thanh S – Chủ tịch Hội đồng quản trị của Công ty N trình bày: Ông Sơn hiện là người đại diện theo pháp luật của Công ty N và do bận việc nên chưa có tự khai và yêu cầu Tòa án ghi nhận ý kiến. Đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đối với Công ty A thì ông không có ý kiến, đó là quyền khởi kiện của Ngân hàng. Đối với tài sản thế chấp cho Ngân hàng là tài sản của Công ty N nhưng ông Nguyễn Tuấn A tự ý mang tài sản của Công ty để thế chấp đảm bảo khoản vay cho Công ty A nhưng không có lý do gì để tham gia bảo lãnh tài sản, ông A không thông qua Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông là vi phạm luật doanh nghiệp nên việc Công ty A đem tài sản thế chấp này để đảm bảo khoản vay tại Ngân hàng và được Ngân hàng chấp nhận là vi phạm pháp luật theo Bộ luật Dân sự, do đó hợp đồng thế chấp này vô hiệu (BL 395 - 396).

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện: Yêu cầu Tòa án buộc Công ty Cổ phần A phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng toàn bộ số tiền tính đến hết ngày 21/12/2020 là 206.651.453.068 đồng, trong đó nợ gốc là 95.301.096.628 đồng, nợ lãi trong hạn là 75.323.633.737 đồng, nợ lãi quá hạn là 36.026.722.703 đồng. Yêu cầu duy trì các Hợp đồng thế chấp và tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba số 78/2012/VCB.AG ngày 17/5/2012; Hợp đồng thế chấp tài sản số 77/2012/VCB.AG ngày 17/5/2012 được ký kết giữa Công ty N và Ngân hàng TMCP N Việt Nam chi nhánh An Giang và Phụ kiện hợp đồng thế chấp số 01/PKHĐTC ngày 29/4/2014 đính kèm để đảm bảo cho việc thi hành án.

Về chi phí tố tụng: Ngân hàng đã tạm ứng chi phí tố tụng 700.000đ để xem xét thẩm định tại chỗ tài sản thế chấp tại huyện C, tỉnh An Giang. Ngân hàng tự nguyện chịu chi phí tố tụng nêu trên.

Bị đơn Công ty A, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Công ty N vắng mặt không lý do.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung vụ án: Ngày 15/5/2012, Công ty A đã ký kết Hợp đồng tín dụng số: 135/2012/NHNT.AG với Ngân hàng TMCP N Việt Nam số tiền 100.000.000.000 đồng. Đồng thời, ký các hợp đồng cho vay theo hạn mức phụ lục 01/CV, Hợp đồng cho vay theo hạn mức sửa đổi bổ sung số 01 ngày 28/12/2012; Hợp đồng cho vay theo hạn mức phụ lục 03 ngày 21/05/2013; Hợp đồng cho vay theo hạn mức phụ lục 04/CV ngày 21/05/2013. Để bảo đảm cho các khoản vay, Công ty A đã được Công ty N thế chấp tài sản theo các Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba số 78/2012/VCB.AG ngày 17/5/2012; Hợp đồng thế chấp tài sản số 77/2012/VCB.AG ngày 17/5/2012 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP N Việt Nam với Công ty N, hợp đồng đã được công chứng và tài sản đã được đăng ký thế chấp theo quy định pháp luật

Sau đó, Ngân hàng đã giải ngân cho Công ty A theo từng Hợp đồng cho vay theo hạn mức đã ký kết và có xác nhận bằng giấy nhận nợ. Do Công ty A không thực hiện đúng nghĩa vụ nên Ngân hàng đã đều gửi Thông báo nợ quá

hạn và yêu cầu trả nợ khởi kiện hàng tháng đến Công ty A. Nay, Ngân hàng yêu cầu Công ty A thực hiện nghĩa vụ trả tổng số tiền tạm tính đến ngày 21/12/2020 là 206.651.453.068 đồng, trong đó vốn gốc 75.323.633.737 đồng, lãi trong hạn 75.296.040.374 đồng, lãi quá hạn 36.026.722.703 đồng và tiếp tục thanh toán số nợ lãi tiếp tục phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn được quy định tại hợp đồng tín dụng, các hợp đồng cấp hạn mức và các giấy nhận nợ đã ký kết với Ngân hàng cho đến khi thanh toán hết nợ. Đồng thời, tiếp tục duy trì các hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba số 78/2012/VCB.AG ngày 17/5/2012; Hợp đồng thế chấp tài sản số 77/2012/VCB.AG ngày 17/5/2012 được ký kết giữa Ngân hàng với Công ty N để đảm bảo cho việc thi hành án là có căn cứ và cơ sở chấp nhận theo quy định tại các Điều 342, 348, 351, 471, 474, 478 BLDS 2005; Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng; Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ; Nghị định 11/2012/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tranh chấp giữa nguyên đơn, bị đơn là tranh chấp về kinh doanh, thương mại thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố L theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[1.2] Nguyên đơn Ngân hàng TMCP N Việt Nam ủy quyền cho ông Nguyễn Tấn T tham gia tố tụng với tư cách là nguyên đơn. Căn cứ vào Điều 85, Điều 86 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận ông T tham gia tố tụng với tư cách là nguyên đơn và được thực hiện các quyền, nghĩa vụ tố tụng dân sự theo nội dung văn bản ủy quyền.

[1.3] Bị đơn Công ty A, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Công ty N được Tòa án cấp tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng được xem triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, quyết định xét xử vắng mặt Công ty A, Công ty N.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung

Giữa nguyên đơn và bị đơn xác lập hợp đồng tín dụng từ ngày 15/5/2012 và bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên nguyên đơn khởi kiện ngày 04/5/2018. Như vậy, giao dịch dân sự chưa được thực hiện xong mà có nội dung, hình thức khác với Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó, căn cứ vào quy định tại điểm a khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử áp dụng các điều khoản phù hợp với nội dung tranh chấp được quy định tại Bộ luật Dân sự số 33/2005/QH11 để làm căn cứ giải quyết vụ án.

[3] Về nội dung tranh chấp

[3.1] Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Ngày 15/12/2012, Công ty Âu Việt và Ngân hàng TMCP N Việt Nam chi nhánh An Giang thỏa thuận ký hợp đồng tín dụng số: 135/2012/NHNT.AG, hạn mức vay là 100.000.000.000 đồng. Công ty A tiếp tục ký các Hợp đồng cho vay theo hạn mức phụ lục số 01/CV, Hợp đồng cho vay theo hạn mức sửa đổi, bổ sung số 01 ngày 28/12/2012; Hợp đồng cho vay theo hạn mức phụ lục số 03 ngày 21/05/2013; Hợp đồng cho vay theo hạn mức phụ lục số 04/CV ngày 21/5/2013 để rút vốn vay theo hạn mức. Để bảo đảm cho các khoản vay, Công ty N là bên thứ ba ký thế chấp tài sản theo các Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 78/2012/VCB.AG ngày 17/5/2012; Hợp đồng thế chấp tài sản số 77/2012/VCB.AG ngày 17/5/2012, các hợp đồng thế chấp được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định pháp luật. Sau khi rút vốn và sử dụng vốn theo hạn mức đã ký kết và có xác nhận bằng giấy nhận nợ, phía bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả vốn lãi đối với các hợp đồng tín dụng hạn mức, cụ thể hợp đồng số 135/2012/HM01/180512 vi phạm từ ngày 11/9/2013, hợp đồng số 135/2012/HDD03/210513 vi phạm ngày 10/4/2014, hợp đồng số 135/2012/HM04/210513 vi phạm ngày 11/9/2013, vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng, làm ảnh hưởng đến quyền lợi về tài sản nên Ngân hàng khởi kiện buộc Công ty A phải trả vốn lãi tính đến ngày 21/12/2020 là 206.651.453.068 đồng, trong đó nợ gốc là 95.301.096.628 đồng, nợ lãi trong hạn là 75.323.633.737 đồng, nợ lãi quá hạn là 36.026.722.703 đồng. Đồng thời yêu cầu tính lãi quá hạn trên nợ gốc kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi bị đơn tất toán xong nợ và duy trì Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba Công ty N là có căn cứ, phù hợp theo quy định tại các Điều 471, Điều 474, Điều 478 Bộ Dân sự năm 2005; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng.

[3.2] Ý kiến của bị đơn đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Bị đơn không có ý kiến và không gửi chứng cứ chứng minh đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[3.3] Ý kiến của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Ông Nguyễn Thanh Sơn là người đại diện hợp pháp của Công ty N cho rằng việc ông Nguyễn Tuấn A (là người đại diện hợp pháp Công ty N trước đây) tự ý mang tài sản của Công ty N để thế chấp đảm bảo khoản vay cho Công ty Âu Việt nhưng không thông qua Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông là vi phạm luật doanh nghiệp nên việc Công ty A đem tài sản thế chấp này để đảm bảo khoản vay tại Ngân hàng và được Ngân hàng chấp nhận là vi phạm pháp luật theo Bộ luật Dân sự, do đó hợp đồng thế chấp này vô hiệu. Xét thấy, việc người đại diện hợp pháp của Công ty N ông Nguyễn Tuấn A ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba số 77/2012/VCB.AG ngày 17/5/2012; Hợp đồng thế chấp tài sản số 78/2012/VCB.AG ngày 17/5/2012, phụ kiện hợp đồng thế chấp số 01/PKHĐTC ngày 29/4/2014 để đảm bảo khoản vay cho bị đơn Công ty Âu Việt được thông qua tại Hội đồng quản trị theo biên bản họp ngày 03/5/2012 (BL 62), điều này thể hiện ý chí tự nguyện thỏa thuận giữa các bên, không vi phạm điều cấm của luật, việc thế chấp tài sản được đăng ký giao dịch bảo đảm, phù hợp theo quy định tại các Điều 342, Điều 343 Bộ luật Dân sự năm 2005; Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định 11/2012/NĐ-CP ngày 29/12/2006. Do đó, việc người đại diện hợp pháp hiện tại của Công ty N – Ông Nguyễn Thanh S cho rằng ông Nguyễn Tuấn A vi phạm nhưng ông S không giao nộp chứng cứ chứng minh nên không có cơ sở để xem xét.

[4] Từ những phân tích và nhận định nêu trên, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử xem xét, chấp nhận. Do đó, buộc Công ty Cổ phần A phải có trách nhiệm thanh toán nợ cho Ngân hàng TMCP N Việt Nam vốn, lãi tính đến hết ngày 21/12/2020 là 206.651.453.068 đồng, trong đó nợ gốc là 95.301.096.628 đồng, nợ lãi trong hạn là 75.323.633.737 đồng, nợ lãi quá hạn là 36.026.722.703 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, Công ty Cổ phần A còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng hạn mức cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba số 78/2012/VCB.AG ngày 17/5/2012; Hợp đồng thế chấp tài sản số 77/2012/VCB.AG ngày 17/5/2012 được ký kết giữa Công ty Cổ phần N và Ngân hàng TMCP N Việt Nam chi nhánh An Giang và Phụ kiện hợp đồng thế chấp số 01/PKHĐTC ngày 29/4/2014 đính kèm để đảm bảo cho việc thi hành án.

[5] Về chi phí tố tụng

Nguyên đơn tự nguyện chịu 700.000đ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ tài sản thế chấp tại huyện C, tỉnh An Giang. Nguyên đơn đã thực hiện xong.

[6] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bị đơn phải có nghĩa vụ nộp án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản Điều 39; Điều 68; Điều 85, Điều 86; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, điểm b khoản 1 Điều 238; khoản 1 Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 471, Điều 474, Điều 478 Bộ Dân sự năm 2005;

Điều 2; Điều 6; Điều 7; Điều 9 và Điều 30 Luật Thi hành án dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và án phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP N Việt Nam đối với bị đơn Công ty Cổ phần A.

Buộc Công ty Cổ phần A phải có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP N Việt Nam vốn lãi tính đến hết ngày 21/12/2020 là 206.651.453.068 đồng, trong đó nợ gốc là 95.301.096.628 đồng, nợ lãi trong hạn là 75.323.633.737 đồng, nợ lãi quá hạn là 36.026.722.703 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, Công ty Cổ phần A còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng hạn mức cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba số 78/2012/VCB.AG ngày 17/5/2012; Hợp đồng thế chấp tài sản số 77/2012/VCB.AG ngày 17/5/2012 được ký kết giữa Công ty Cổ phần N và Ngân hàng TMCP N Việt Nam chi nhánh An Giang và Phụ kiện hợp đồng thế chấp số 01/PKHĐTC ngày 29/4/2014 đính kèm để đảm bảo cho việc thi hành án.

[2] Về chi phí tố tụng

Nguyên đơn tự nguyện chịu chi phí tố tụng 700.000đ (bảy trăm nghìn đồng). Nguyên đơn đã thực hiện xong.

[3] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm

Bị đơn Công ty Cổ phần A phải nộp 314.651.000 đồng (ba trăm mười bốn triệu, sáu trăm năm mươi một triệu nghìn đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP N Việt Nam 137.376.000 đồng (một trăm ba mươi bảy triệu, ba trăm bảy mươi sáu nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0009803 ngày 15/8/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L. Ngân hàng TMCP N Việt Nam chi nhánh An Giang được nhận số tiền hoàn án phí nêu trên.

[4] Về quyền kháng cáo

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết bản án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

(Giải thích Điều 26 Luật Thi hành án dân sự)

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TPLX;
- Chi cục THADS TPLX;
- Phòng KTNV - TAND tỉnh An Giang;
- Lưu hồ sơ + VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Quốc Nam